

Mẫu số 02-HS

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN ...⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / /⁽²⁾

....., ngày ... tháng ... năm ...⁽³⁾

QUYẾT ĐỊNH

Giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

TÒA ÁN⁽⁴⁾ ...

- Thành phần Hội đồng phiên họp xét buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: Ông (Bà):

Ông (Bà):

- Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁶⁾

- Đại diện viện Kiểm sát⁽⁷⁾ tham gia phiên họp:

Ông (Bà) - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Người bị xử phạt tù được hưởng án treo đang chịu thử thách tại⁽⁸⁾.....;

Ngày ... tháng ... năm⁽⁹⁾;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị buộc người được hưởng án treo⁽¹⁰⁾.... phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

XÉT THẤY:

Trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ vụ việc và thảo luận tại phiên họp, Tòa án nhận định như sau ⁽¹¹⁾

Căn cứ vào ⁽¹²⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận (Không chấp nhận) đề nghị của ⁽¹³⁾ về việc buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo đối với người bị xử phạt tù được hưởng án treo ⁽¹⁴⁾

Bị xử phạt ⁽¹⁵⁾ ... tù về tội (các tội) ... nhưng được hưởng án treo với thời gian thử thách là ⁽¹⁶⁾

Tại bản án hình sự ⁽¹⁷⁾ ... số ... ngày ... tháng... năm... của Tòa án

⁽¹⁸⁾

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Ghi theo những nơi cần gửi theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 11 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án nhân dân giải quyết vụ việc; nếu là Tòa án nhân dân khu vực thì cần ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gì thuộc tỉnh, thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định (ví dụ 1: 16/2025/HSST-QĐ).

(3) ghi địa điểm và ngày, tháng, năm ra Quyết định.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán. Nếu là Tòa án quân sự thì không ghi “Ông (Bà)” mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên họp và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi đầy đủ họ tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

(8) ghi tên cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị xử phạt tù được hưởng án treo.

(9) ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo của Cơ quan thi hành án hình sự nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc (ví dụ: Ngày 15 tháng 6 năm 2025 Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh A có văn bản số 18/.... đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

(10) ghi họ tên các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có), năm sinh của người bị xử phạt tù được hưởng án treo. Nếu người bị xử phạt tù được hưởng án treo dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh.

(11) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ việc, quyết định trong bản án tuyên người bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù được hưởng án treo; nội dung đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù; ghi nhận định của Hội đồng phiên họp, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng phiên họp căn cứ để giải quyết vụ việc.

(12) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(13) ghi tên cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

(14) ghi họ tên, các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có), năm sinh (đối với người dưới 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú hoặc nơi làm việc, dân tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch của người bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo.

(15) ghi mức hình phạt tù được hưởng án treo theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(16) ghi thời gian thử thách theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”)

(17) bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(18) nếu chấp nhận thì ghi rõ họ tên của người bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù, cụ thể hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo phải thi hành (ví dụ: Buộc Nguyễn Văn A phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 15/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh H)

Nếu không chấp nhận thì không ghi mục này.